

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN KỲ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 03 NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: **3329** /QĐ-ĐHTCM-ĐTSDH ngày **19** tháng 12 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

STT	MÃ HỒ SƠ	NGÀNH ĐĂNG KÝ	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỀU KIỆN NGOẠI NGỮ	Môn cơ sở 1 (Thang điểm 4)	Môn cơ sở 2 (Thang điểm 4)	TỔNG ĐIỂM
1	K19Đ3.01.28	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Sinh An	Nam	17/6/1990	Vũng Tàu	Đạt	2.75	1.50	4.25
2	K19Đ3.02.118	Tài chính - Ngân hàng	Tăng Vạn An	Nam	20/6/1984	An Giang	Đạt	3.50	3.00	6.50
3	K19Đ3.01.40	Quản trị kinh doanh	Lê Tuấn Anh	Nam	10/9/1992	Cà Mau	Đạt	3.00	3.00	6.00
4	K19Đ3.01.72	Quản trị kinh doanh	Phan Nguyễn Vĩnh Bảo	Nam	06/11/1995	TP.HCM	Đạt	3.50	3.50	7.00
5	K19Đ3.01.76	Quản trị kinh doanh	Lê Thị Bích	Nữ	06/8/1988	Phú Yên	Đạt	2.75	3.00	5.75
6	K19Đ3.02.26	Tài chính - Ngân hàng	Trần Trọng Bình	Nam	28/6/1985	Đắk Lắk	Đạt	3.50	3.00	6.50
7	K19Đ3.01.44	Quản trị kinh doanh	Bùi Xuân Bình	Nam	09/12/1991	TP.HCM	Đạt	2.75	2.50	5.25
8	K19Đ3.01.22	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Hồng Chuyên	Nam	10/9/1972	Hưng Yên	Đạt	1.50	3.50	5.00
9	K19Đ3.03.13	Quản lý kinh tế	Nguyễn Chí Công	Nam	13/12/1974	Tiền Giang	Đạt	4.00	3.50	7.50
10	K19Đ3.02.47	Tài chính - Ngân hàng	Phạm Trọng Đại	Nam	03/01/2000	Long An	Đạt	3.35	3.80	7.15
11	K19Đ3.01.57	Quản trị kinh doanh	Võ Thị Anh Đào	Nữ	10/9/1979	Bình Định	Đạt	4.00	3.50	7.50
12	K19Đ3.01.09	Quản trị kinh doanh	Bá Thị Trung Đây	Nữ	01/01/1998	Bình Thuận	Đạt	1.25	3.50	4.75

STT	MÃ HỒ SƠ	NGÀNH ĐĂNG KÝ	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỀU KIỆN NGOẠI NGỮ	Môn cơ sở 1 (Thang điểm 4)	Môn cơ sở 2 (Thang điểm 4)	TỔNG ĐIỂM
13	K19Đ3.02.46	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Hoàng Diễm	Nữ	01/6/2000	Phú Yên	Đạt	3.50	3.70	7.20
14	K19Đ3.02.117	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Hoàn Đức	Nam	30/11/1991	An Giang	Đạt	3.50	3.00	6.50
15	K19Đ3.02.83	Tài chính - Ngân hàng	Lê Thị Mỹ Dung	Nữ	02/4/1995	An Giang	Đạt	3.25	4.00	7.25
16	K19Đ3.01.48	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Tấn Dũng	Nam	18/12/1996	TP.HCM	Đạt	3.50	3.70	7.20
17	K19Đ3.01.73	Quản trị kinh doanh	Lê Quốc Dũng	Nam	03/01/1997	Ninh Thuận	Đạt	3.70	3.50	7.20
18	K19Đ3.02.124	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Ngọc Được	Nam	26/7/1988	An Giang	Đạt	3.50	3.70	7.20
19	K19Đ3.02.52	Tài chính - Ngân hàng	Huỳnh Trọng Dương	Nam	19/5/1975	Đắk Lắk	Đạt	2.45	4.00	6.45
20	K19Đ3.02.86	Tài chính - Ngân hàng	Vương Đại Dương	Nam	02/9/1972	Thanh Hóa	Đạt	2.00	2.25	4.25
21	K19Đ3.01.36	Quản trị kinh doanh	Huỳnh Hải Duy	Nam	02/01/1997	Tiền Giang	Đạt	3.50	3.00	6.50
22	K19Đ3.02.119	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Ngoan Em	Nữ	27/7/1999	An Giang	Đạt	3.50	2.50	6.00
23	K19Đ3.02.103	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Hòa Giang	Nữ	08/12/1988	An Giang	Đạt	3.50	1.00	4.50
24	K19Đ3.01.54	Quản trị kinh doanh	Trần Thị Hà	Nữ	01/01/1996	Đắk Lắk	Đạt	1.00	3.00	4.00
25	K19Đ3.01.01	Quản trị kinh doanh	Phạm Lê Long Hải	Nam	07/3/1997	TP.HCM	Đạt	1.50	3.50	5.00
26	K19Đ3.02.106	Tài chính - Ngân hàng	Lê Thị Ngọc Hân	Nữ	20/4/1988	An Giang	Đạt	2.00	1.50	3.50
27	K19Đ3.02.38	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	05/12/1995	Ninh Thuận	Đạt	2.75	3.50	6.25
28	K19Đ3.01.42	Quản trị kinh doanh	Hoàng Trần Hạnh	Nữ	14/8/1983	Hải Phòng	Đạt	2.00	4.00	6.00
29	K19Đ3.02.08	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Quốc Hiền	Nam	16/02/1988	Bắc Giang	Đạt	3.25	3.00	6.25

STT	MÃ HỒ SƠ	NGÀNH ĐĂNG KÝ	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỀU KIỆN NGOẠI NGỮ	Môn cơ sở 1 (Thang điểm 4)	Môn cơ sở 2 (Thang điểm 4)	TỔNG ĐIỂM
30	K19Đ3.02.102	Tài chính - Ngân hàng	Võ Thanh Ngọc Hiền	Nữ	21/7/1996	An Giang	Đạt	2.50	3.00	5.50
31	K19Đ3.02.79	Tài chính - Ngân hàng	Đặng Thị Xuân Hoa	Nữ	04/3/1993	An Giang	Đạt	3.50	1.00	4.50
32	K19Đ3.02.61	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Việt Hoàng	Nam	04/10/1999	Hải Phòng	Đạt	3.50	2.50	6.00
33	K19Đ3.02.82	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Đình Hoàng	Nam	01/11/1988	An Giang	Đạt	2.50	2.00	4.50
34	K19Đ3.02.97	Tài chính - Ngân hàng	Phan Huy Hoàng	Nam	12/11/1989	An Giang	Đạt	3.50	2.50	6.00
35	K19Đ3.02.65	Tài chính - Ngân hàng	Huỳnh Thùy Thu Hồng	Nữ	16/5/1994	Khánh Hòa	Đạt	3.00	3.00	6.00
36	K19Đ3.01.74	Quản trị kinh doanh	Võ Ngọc Hưng	Nam	30/12/1990	Quảng Ngãi	Đạt	1.50	3.00	4.50
37	K19Đ3.01.71	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Hiệp Thiên Hương	Nữ	20/7/1983	Đồng Tháp	Đạt	2.75	2.50	5.25
38	K19Đ3.02.104	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Đặng Bảo Huy	Nam	10/4/1991	An Giang	Đạt	2.50	3.00	5.50
39	K19Đ3.02.111	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Tuấn Anh Huy	Nam	27/12/1989	An Giang	Đạt	3.50	2.50	6.00
40	K19Đ3.02.100	Tài chính - Ngân hàng	Đặng Mai Khanh	Nữ	09/10/1976	An Giang	Đạt	1.50	2.00	3.50
41	K19Đ3.02.02	Tài chính - Ngân hàng	Lê Huỳnh Anh Khoa	Nam	27/6/2000	TP.HCM	Đạt	2.75	2.10	4.85
42	K19Đ3.02.107	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Tấn Khoa	Nam	27/9/1986	An Giang	Đạt	3.50	2.50	6.00
43	K19Đ3.01.16	Quản trị kinh doanh	Cao Thiên Khôi	Nam	10/11/1980	ĐăkLăk	Đạt	2.75	3.50	6.25
44	K19Đ3.02.122	Tài chính - Ngân hàng	Phan Tuấn Kiệt	Nam	14/7/1989	An Giang	Đạt	3.50	1.50	5.00
45	K19Đ3.02.110	Tài chính - Ngân hàng	Trương Thị Kiều	Nữ	17/12/1984	An Giang	Đạt	2.00	2.50	4.50
46	K19Đ3.02.125	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Việt Liền	Nam	25/7/1984	An Giang	Đạt	3.50	1.50	5.00

STT	MÃ HỒ SƠ	NGÀNH ĐĂNG KÝ	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỀU KIỆN NGOẠI NGỮ	Môn cơ sở 1 (Thang điểm 4)	Môn cơ sở 2 (Thang điểm 4)	TỔNG ĐIỂM
47	K19Đ3.01.23	Quản trị kinh doanh	Quách Thị Huyền Linh	Nữ	10/3/1999	Sóc Trăng	Đạt	3.50	2.50	6.00
48	K19Đ3.02.81	Tài chính - Ngân hàng	Huỳnh Kim Lộc	Nữ	29/10/1987	An Giang	Đạt	3.50	2.50	6.00
49	K19Đ3.02.113	Tài chính - Ngân hàng	La Tấn Lộc	Nam	04/3/1981	An Giang	Đạt	2.00	3.00	5.00
50	K19Đ3.02.120	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thanh Long	Nam	19/11/1990	An Giang	Đạt	3.50	3.00	6.50
51	K19Đ3.02.85	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Duy Luận	Nam	14/8/1986	An Giang	Đạt	3.50	2.00	5.50
52	K19Đ3.01.62	Quản trị kinh doanh	Hoàng Mũi Lũy	Nữ	14/4/1996	Tây Ninh	Đạt	2.75	3.00	5.75
53	K19Đ3.03.24	Quản lý kinh tế	Phạm Thị Ngọc Luyến	Nữ	14/10/1981	Tiền Giang	Đạt	2.75	2.50	5.25
54	K19Đ3.02.03	Tài chính - Ngân hàng	Lê Thị Minh Lý	Nữ	26/02/1996	TP.HCM	Đạt	3.50	3.70	7.20
55	K19Đ3.01.63	Quản trị kinh doanh	Phạm Anh Mến	Nam	12/11/1997	Bình Dương	Đạt	2.00	2.50	4.50
56	K19Đ3.02.87	Tài chính - Ngân hàng	Lê Thị Thùy My	Nữ	18/6/1995	An Giang	Đạt	4.00	4.00	8.00
57	K19Đ3.01.68	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Tấn Nam	Nam	14/12/1993	Hà Tĩnh	Đạt	3.70	3.00	6.70
58	K19Đ3.02.59	Tài chính - Ngân hàng	Võ Thị Kiều Nga	Nữ	06/10/1997	Quảng Ngãi	Đạt	2.25	2.90	5.15
59	K19Đ3.01.17	Quản trị kinh doanh	Lê Văn Nghĩa	Nam	06/4/1983	Thanh Hóa	Đạt	3.50	3.50	7.00
60	K19Đ3.01.37	Quản trị kinh doanh	Châu Trọng Nghĩa	Nam	17/10/1991	TP.HCM	Đạt	2.25	3.00	5.25
61	K19Đ3.02.121	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Ngoan	Nữ	19/12/1995	An Giang	Đạt	2.75	1.00	3.75
62	K19Đ3.01.33	Quản trị kinh doanh	Lê Vũ Nguyên	Nam	25/2/1988	Quảng Ngãi	Đạt	3.50	3.50	7.00
63	K19Đ3.02.66	Tài chính - Ngân hàng	Trần Thị Thu Nguyên	Nữ	06/6/2000	An Giang	Đạt	3.35	2.90	6.25

STT	MÃ HỒ SƠ	NGÀNH ĐĂNG KÝ	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỀU KIỆN NGOẠI NGỮ	Môn cơ sở 1 (Thang điểm 4)	Môn cơ sở 2 (Thang điểm 4)	TỔNG ĐIỂM
64	K19Đ3.01.04	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Nữ	20/4/1988	Quảng Ngãi	Đạt	4.00	3.50	7.50
65	K19Đ3.01.06	Quản trị kinh doanh	Trần Nguyễn Phúc Nhã	Nữ	01/6/2000	TP.HCM	Đạt	2.00	2.50	4.50
66	K19Đ3.01.29	Quản trị kinh doanh	Hồ Lê Trân Nhi	Nữ	04/02/2000	Vũng Tàu	Đạt	3.50	3.50	7.00
67	K19Đ3.01.30	Quản trị kinh doanh	Phạm Ngọc Quỳnh Như	Nữ	29/4/1983	Đồng Nai	Đạt	3.70	3.50	7.20
68	K19Đ3.01.55	Quản trị kinh doanh	Lê Tấn Phú	Nam	12/8/1995	Quảng Ngãi	Đạt	3.50	3.00	6.50
69	K19Đ3.02.112	Tài chính - Ngân hàng	Đặng Thông Phú	Nam	22/10/1986	An Giang	Đạt	3.00	2.00	5.00
70	K19Đ3.01.41	Quản trị kinh doanh	Sái Hoàng Phúc	Nam	27/01/2000	Tây Ninh	Đạt	2.00	3.50	5.50
71	K19Đ3.01.07	Quản trị kinh doanh	Đoàn Lê Hữu Phước	Nam	08/01/1993	TP.HCM	Đạt	3.25	3.00	6.25
72	K19Đ3.02.05	Tài chính - Ngân hàng	Lê Trần Như Phương	Nữ	25/3/2000	Tây Ninh	Đạt	2.25	2.70	4.95
73	K19Đ3.02.64	Tài chính - Ngân hàng	Võ Uyên Phương	Nữ	04/12/2000	Lâm Đồng	Đạt	3.70	3.00	6.70
74	K19Đ3.02.95	Tài chính - Ngân hàng	Đinh Phan Minh Phương	Nữ	29/7/1990	An Giang	Đạt	2.75	4.00	6.75
75	K19Đ3.02.105	Tài chính - Ngân hàng	Đoàn Nguyễn Kim Phượng	Nữ	31/5/1983	Cần Thơ	Đạt	3.50	2.50	6.00
76	K19Đ3.02.108	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Tấn Sang	Nam	16/6/1999	An Giang	Đạt	1.50	1.00	2.50
77	K19Đ3.01.51	Quản trị kinh doanh	Đào Minh Sáng	Nam	08/4/1991	Phú Yên	Đạt	2.25	3.00	5.25
78	K19Đ3.01.53	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thế Sơn	Nam	22/3/1999	Hải Phòng	Đạt	2.00	3.50	5.50
79	K19Đ3.02.116	Tài chính - Ngân hàng	Mai Thanh Sử	Nam	22/10/1998	An Giang	Đạt	2.00	2.50	4.50
80	K19Đ3.02.89	Tài chính - Ngân hàng	Mai Thanh Sự	Nam	12/5/1988	An Giang	Đạt	3.50	2.00	5.50

STT	MÃ HỒ SƠ	NGÀNH ĐĂNG KÝ	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỀU KIỆN NGOẠI NGỮ	Môn cơ sở 1 (Thang điểm 4)	Môn cơ sở 2 (Thang điểm 4)	TỔNG ĐIỂM
81	K19Đ3.02.90	Tài chính - Ngân hàng	Trần Quang Ngọc Hồng Tâm	Nam	03/3/1989	An Giang	Đạt	3.50	2.00	5.50
82	K19Đ3.02.91	Tài chính - Ngân hàng	Hồ Minh Tâm	Nam	01/01/1990	An Giang	Đạt	2.35	2.00	4.35
83	K19Đ3.02.109	Tài chính - Ngân hàng	Trần Nguyễn Thanh Tân	Nam	18/9/2000	An Giang	Đạt	1.00	3.00	4.00
84	K19Đ3.01.20	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngô Hồng Thắm	Nữ	26/9/1986	An Giang	Đạt	2.50	2.00	4.50
85	K19Đ3.02.60	Tài chính - Ngân hàng	Mai Chiến Thắng	Nam	01/01/1997	Đồng Nai	Đạt	1.75	2.40	4.15
86	K19Đ3.02.98	Tài chính - Ngân hàng	Phan Hồ Tín Thành	Nam	13/01/1996	An Giang	Đạt	3.50	2.50	6.00
87	K19Đ3.02.92	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	21/4/1990	An Giang	Đạt	2.00	3.00	5.00
88	K19Đ3.02.101	Tài chính - Ngân hàng	Trần Thanh Thảo	Nữ	10/11/1992	An Giang	Đạt	2.50	2.00	4.50
89	K19Đ3.02.88	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Kim Thi	Nữ	29/5/1991	Kiên Giang	Đạt	3.50	2.00	5.50
90	K19Đ3.01.18	Quản trị kinh doanh	Lê Ngọc Thiện	Nam	25/11/2000	Ninh Thuận	Đạt	2.50	2.50	5.00
91	K19Đ3.01.77	Quản trị kinh doanh	Huỳnh Nguyên Thư	Nữ	25/10/1988	Khánh Hòa	Đạt	3.50	3.70	7.20
92	K19Đ3.02.78	Tài chính - Ngân hàng	Lâm Thử	Nam	10/01/2000	Quảng Ngãi	Đạt	1.50	2.90	4.40
93	K19Đ3.01.31	Quản trị kinh doanh	Bùi Chí Thúc	Nam	10/8/1992	Thái Bình	Đạt	3.50	3.70	7.20
94	K19Đ3.01.19	Quản trị kinh doanh	Mai Thanh Thúy	Nữ	18/9/1996	TP.HCM	Đạt	1.75	3.00	4.75
95	K19Đ3.01.45	Quản trị kinh doanh	Bùi Thị Minh Thúy	Nữ	18/10/1997	Hà Nam	Đạt	3.00	3.70	6.70
96	K19Đ3.02.84	Tài chính - Ngân hàng	Trần Thị Diệu Thúy	Nữ	11/10/1981	An Giang	Đạt	1.00	2.00	3.00
97	K19Đ3.01.11	Quản trị kinh doanh	Lã Thị Bích Thủy	Nữ	11/4/1985	Đồng Nai	Đạt	3.50	3.70	7.20

STT	MÃ HỒ SƠ	NGÀNH ĐĂNG KÝ	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NOI SINH	ĐIỀU KIỆN NGOẠI NGỮ	Môn cơ sở 1 (Thang điểm 4)	Môn cơ sở 2 (Thang điểm 4)	TỔNG ĐIỂM
98	K19Đ3.01.56	Quản trị kinh doanh	Trương Viễn Tiên	Nữ	14/10/2000	Quảng Ngãi	Đạt	2.25	3.70	5.95
99	K19Đ3.02.93	Tài chính - Ngân hàng	Phạm Hữu Tín	Nam	29/6/1989	An Giang	Đạt	2.00	2.50	4.50
100	K19Đ3.01.32	Quản trị kinh doanh	Đoàn Thị Bảo Trâm	Nữ	02/02/1999	Vũng Tàu	Đạt	2.50	3.70	6.20
101	K19Đ3.01.43	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Lê Trâm	Nữ	22/9/1983	Tiền Giang	Đạt	2.75	3.50	6.25
102	K19Đ3.02.58	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Hồ Ngọc Trân	Nữ	08/10/1997	Bến Tre	Đạt	2.00	2.50	4.50
103	K19Đ3.02.114	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Lê Bảo Trân	Nữ	07/9/1986	An Giang	Đạt	3.25	2.50	5.75
104	K19Đ3.02.15	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Phạm Minh Trang	Nữ	19/4/1997	TP.HCM	Đạt	2.20	2.50	4.70
105	K19Đ3.01.35	Quản trị kinh doanh	Trần Thị Hồng Trinh	Nữ	12/6/1992	Bình Định	Đạt	3.50	3.50	7.00
106	K19Đ3.02.12	Tài chính - Ngân hàng	Ngô Ngọc Trinh	Nam	22/12/1997	Quảng Nam	Đạt	3.25	3.00	6.25
107	K19Đ3.01.34	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Ngọc Thủy Trúc	Nữ	03/9/1999	Đồng Nai	Đạt	3.00	3.50	6.50
108	K19Đ3.02.50	Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Thị Cẩm Tú	Nữ	18/9/2000	Tiền Giang	Đạt	3.60	3.50	7.10
109	K19Đ3.01.49	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Hoàng Tùng	Nam	14/12/1981	Hải Phòng	Đạt	2.25	3.70	5.95
110	K19Đ3.01.75	Quản trị kinh doanh	Vũ Thanh Tùng	Nam	08/4/1983	Nam Định	Đạt	3.25	3.00	6.25
111	K19Đ3.02.123	Tài chính - Ngân hàng	Ngô Thanh Tùng	Nam	28/5/1996	TP.HCM	Đạt	3.50	1.50	5.00
112	K19Đ3.01.39	Quản trị kinh doanh	Trần Vũ Vân Tường	Nữ	07/12/1996	Đồng Nai	Đạt	1.50	2.50	4.00
113	K19Đ3.01.69	Quản trị kinh doanh	Nguyễn Đỗ Lan Tường	Nữ	29/7/2000	Bến Tre	Đạt	2.50	1.50	4.00
114	K19Đ3.02.115	Tài chính - Ngân hàng	Thái Thị Bích Tuyền	Nữ	08/9/1981	An Giang	Đạt	2.50	1.50	4.00

STT	MÃ HỒ SƠ	NGÀNH ĐĂNG KÝ	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỀU KIỆN NGOẠI NGỮ	Môn cơ sở 1 (Thang điểm 4)	Môn cơ sở 2 (Thang điểm 4)	TỔNG ĐIỂM
115	K19Đ3.01.25	Quản trị kinh doanh	Vũ Thị Tuyết	Nữ	03/12/1994	Đồng Nai	Đạt	3.70	3.50	7.20
116	K19Đ3.01.27	Quản trị kinh doanh	Hồ Phúc Vinh	Nam	08/10/1989	TP.HCM	Đạt	3.00	3.50	6.50
117	K19Đ3.01.70	Quản trị kinh doanh	Hoàng Tuấn Vinh	Nam	02/3/1992	Bắc Giang	Đạt	2.25	3.50	5.75
118	K19Đ3.01.10	Quản trị kinh doanh	Võ Thị Tường Vy	Nữ	15/01/1998	Đồng Nai	Đạt	1.75	2.50	4.25
119	K19Đ3.03.14	Quản lý kinh tế	Ngô Thanh Xuân	Nam	20/02/1979	Tiền Giang	Đạt	2.00	1.50	3.50

Danh sách có: 119 thí sinh./.

